

**DEVELOPING THE CAPACITY TO
APPLY THE SOCIAL-EMOTIONAL
LEARNING MODEL FOR PRE-SERVICE
TEACHERS OF PRESCHOOL EDUCATION**

Nguyen Thi Quy¹ and Hoang The Hai^{2*}

¹*Faculty of Psychology and Education,
University of Science and Education,*

The University of Danang, Da Nang city, Vietnam

²*Faculty of Early Childhood Education,
University of Science and Education,*

The University of Danang, Da Nang city, Vietnam

*Corresponding author: Hai The Hoang,
e-mail: hthai@ued.udn.vn

Received August 18, 2024.

Revised September 22, 2024.

Accepted October 2, 2024.

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG
MÔ HÌNH GIÁO DỤC CẢM XÚC – XÃ
HỘI CHO SINH VIÊN NGÀNH
GIÁO DỤC MẦM NON**

Nguyễn Thị Quý¹ và Hoàng Thế Hải^{2*}

¹*Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học
Su phạm, Đại học Đà Nẵng,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.*

²*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học
Su phạm, Đại học Đà Nẵng,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Hoàng Thế Hải,
e-mail: hthai@ued.udn.vn

Ngày nhận bài: 18/8/2024.

Ngày sửa bài: 22/9/2024.

Ngày nhận đăng: 2/10/2024.

Abstract. The professional ability of preschool teachers is an important condition that determines the success of implementing preschool education programs. In particular, preschool teachers need to have a new system of professional competencies, and the ability to creatively apply advanced educational models and theories in teaching and educating children. The Social-Emotional Learning (SEL) model is considered an inseparable part of children's comprehensive education. This is a process in which learners acquire and apply the knowledge, attitudes, and skills necessary to build a healthy personal identity, set goals, manage behavior, build relationships, and information processing. This article analyzes the role of social-emotional learning in the development of preschool children and the involvement of teachers in this issue. On the other hand, we describe the integration of SEL into everyday teaching practices in every subject to promote the capacity of applying SEL models for pre-service teachers of preschool education.

Keywords: social-emotional education, preschool education, capacity, students.

Tóm tắt. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non là điều kiện quan trọng, quyết định sự thành công việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Trong đó, người giáo viên mầm non cần có hệ thống năng lực nghề nghiệp mới, năng lực vận dụng sáng tạo các mô hình, lý thuyết giáo dục tiên tiến vào trong dạy học, giáo dục trẻ. Mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL) được xem như một phần không thể tách rời trong giáo dục toàn diện trẻ em. Đây là một quá trình trong đó người học tiếp thu và vận dụng kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết để xây dựng bản sắc cá nhân lành mạnh, thiết lập mục tiêu, quản lý hành vi, xây dựng mối quan hệ, xử lý thông tin. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu đã làm rõ được khái niệm, mô hình, vai trò của giáo dục cảm xúc xã hội đối với trẻ mầm non và vai trò của giáo viên trong vấn đề này. Đồng thời, nghiên cứu đã thiết kế các hướng dẫn vận dụng mô hình SEL vào hoạt động giảng dạy các môn học nhằm phát triển năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

Từ khóa: giáo dục cảm xúc – xã hội, giáo dục mầm non, năng lực, sinh viên.

1. Mở đầu

Giáo dục cảm xúc – xã hội (Social and Emotional Learning - SEL) là quá trình mỗi trẻ phát triển khả năng tích hợp suy nghĩ, cảm xúc và hành vi để thực hiện các nhiệm vụ xã hội quan trọng. Theo nghĩa này, trẻ phát triển các kỹ năng cho phép họ nhận ra, thể hiện và quản lý cảm xúc, xây dựng các mối quan hệ lành mạnh, thiết lập các mục tiêu tích cực và đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cá nhân và xã hội (CASEL, 2003; Ornstein et al., 2017; Zins et al., 2007; Trần Thị thắm và cộng sự, 2003) [1]-[4]. Theo cách này, học tập xã hội và cảm xúc thúc đẩy việc sử dụng nhiều kỹ năng nhận thức và giao tiếp giữa các cá nhân để đạt được các mục tiêu có liên quan, cả về mặt xã hội và phát triển (Zins et al., 2007) [3]. Đặc biệt liên quan đến một số năng lực của học tập xã hội và cảm xúc là nhận thức về bản thân, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm (CASEL, 2003) [1]. Tất cả những năng lực này đều quan trọng để hỗ trợ các hành vi tập thể và hợp tác, phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả, kỉ luật tự giác, kiểm soát xung đột và quản lý cảm xúc của trẻ, từ đó giúp giảm thiểu các hành vi giao tiếp có vấn đề và cảm xúc căng thẳng (Greenberg et al., 2003) [5]. Năng lực cảm xúc – xã hội cho phép trẻ bình tĩnh khi tức giận, xây dựng tình bạn, giúp giải quyết xung đột và cho phép đưa ra những lựa chọn đúng đắn và an toàn (Resnik, 2009) [6].

Nhu cầu về những cá nhân có khả năng phục hồi và thích nghi với môi trường thay đổi nhanh chóng đang ngày càng trở nên quan trọng. Nghiên cứu gần đây đã chứng minh rằng trẻ cần có nhận thức xã hội và kết nối cảm xúc để học tập hiệu quả (Ferreira et al., 2020) [7]. Thế kỉ XXI đặt ra nhiều thách thức mới cho thế hệ trẻ. Trước những thách thức này, báo cáo về sức khỏe tâm thần của Tổ chức Y tế Thế giới nêu rõ rằng tỷ lệ mắc các vấn đề về sức khỏe tâm thần ở thế hệ trẻ đang gia tăng nhanh chóng (WHO, 2015) [8]. Cùng quan điểm này, UNESCO đang chuẩn bị phổ biến rộng rãi các chương trình giáo dục cảm xúc- xã hội có tiềm năng ảnh hưởng đến sự phát triển của thế hệ công dân toàn cầu tiếp theo (UNESCO, 2019) [9].

Tuy nhiên, mặc dù giáo viên có vai trò chính trong việc thúc đẩy giáo dục cảm xúc – xã hội và sức khỏe tâm thần trong nhà trường, nhưng vai trò của họ trong việc thúc đẩy giáo dục cảm xúc – xã hội cũng như năng lực xã hội và cảm xúc của họ vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm. Hầu hết giáo viên gặp khó khăn trong việc đưa giáo dục cảm xúc – xã hội vào chương trình giảng dạy (Ferreira et al., 2020, 2021) [7].

Tại Việt Nam, không phải tất cả các chương trình đào tạo giáo viên mầm non đã có nội dung giáo dục cảm xúc - xã hội để giúp sinh viên ngành giáo dục mầm non phát triển các thái độ và kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công việc của mình trong tương lai. Mặt khác, các nghiên cứu tập trung nhiều vào đánh giá thực trạng năng lực cảm xúc – xã hội của học sinh (Nguyễn Công Khanh, 2005; Nguyễn Văn Lược và Trương Quang Lâm, 2017; Lê Mỹ Dung và cộng sự, 2018; Trần thị Tú Anh và cộng sự, 2019) [10], [11], [12], [13]. Các nghiên cứu về phát triển năng vận dụng giáo dục cảm xúc xã hội của giáo viên và sinh viên sư phạm còn hạn chế. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò của giáo dục cảm xúc – xã hội đối với trẻ mầm non và vai trò của giáo viên trong vấn đề này. Đồng thời, nghiên cứu vận dụng mô hình tích hợp giáo dục cảm xúc – xã hội vào việc thiết kế và tổ chức hoạt động giảng dạy trong môn học, từ đó giúp sinh viên ngành giáo dục mầm non hình thành năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội, đây là cơ sở nền tảng để sinh viên phát triển năng lực áp dụng giáo dục cảm xúc – xã hội vào hoạt động giảng dạy trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính trong nghiên cứu này là phương pháp nghiên cứu tài liệu. Bằng cách sử dụng các cơ sở dữ liệu khoa học như ScienDirect, Springer, Sage... chúng tôi tìm kiếm các bài

báo, sách, ấn phẩm khoa học có liên quan đến các nội dung: (1) Khái quát chung về giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL); (2) Vai trò của giáo viên trong việc thúc đẩy giáo dục cảm xúc – xã hội thành công trong trường học; (3) Hướng dẫn tích hợp giáo dục cảm xúc – xã hội vào dạy học môn học cho sinh viên ngành giáo dục mầm non.

Sau khi tìm ra được các tài liệu liên quan đến chủ đề tìm kiếm, chúng tôi bắt đầu lọc để chọn những nội dung liên quan đến mô hình SEL, vai trò của giáo viên trong việc thúc đẩy giáo dục cảm xúc – xã hội và các hướng dẫn tích hợp mô hình SEL vào trong dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Tiêu chí lựa chọn là những tài liệu có đối tượng là sinh viên mầm non hoặc giáo viên mầm non.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Giáo dục cảm xúc - xã hội (SEL)

2.2.1.1. Khái niệm giáo dục cảm xúc – xã hội

Theo tổ chức Hợp tác về học thuật và giáo dục cảm xúc - xã hội (CASEL), giáo dục cảm xúc - xã hội (SEL) có thể được định nghĩa là: Quá trình mà trẻ em và người lớn tiếp thu và áp dụng hiệu quả kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết để hiểu và quản lý cảm xúc, đặt ra và đạt được các mục tiêu tích cực, cảm nhận và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực và đưa ra quyết định có trách nhiệm (CASEL, 2019) [14].

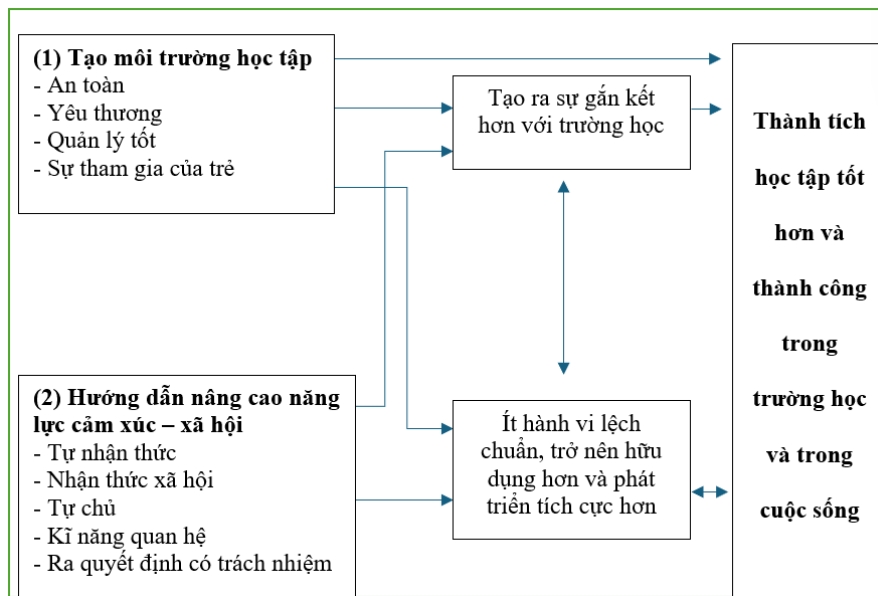
Giáo dục cảm xúc – xã hội bao gồm ba khía cạnh và năm năng lực (CASEL, 2003) [1]. Ba khía cạnh của SEL bao gồm: (1) Khía cạnh xã hội thể hiện mối quan tâm đến việc hình thành và phát triển mối quan hệ tích cực với người khác như bạn bè, thầy cô, các thành viên trong gia đình và ngoài xã hội; (2) Khía cạnh cảm xúc thể hiện sự quan tâm đến việc hình thành và phát triển sự tự nhận thức bản thân, có liên quan đặc biệt đến cảm xúc và cảm giác của chính mình; (3) Khía cạnh học tập thể hiện sự phát triển, điều chỉnh về mặt cảm xúc và về mặt xã hội đều có thể được dạy và học thông qua hướng dẫn, luyện tập và phản hồi. Năm năng lực cốt lõi gồm: (1) Tự nhận thức, tức là khả năng nhận biết cảm xúc, suy nghĩ của mình và ảnh hưởng những cảm xúc, suy nghĩ này đối với hành vi. (2) Tự chủ, tức là khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ và hành vi của mình trong các tình huống khác nhau. (3) Nhận thức xã hội, tức là khả năng nhìn nhận quan điểm của người khác và đồng cảm với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau, hiểu được các chuẩn mực xã hội và đạo đức của hành vi đó. (4) Kỹ năng quan hệ, tức là khả năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ lành mạnh và bổ ích. (5) Ra quyết định có trách nhiệm, tức là khả năng đưa ra những lựa chọn mang tính xây dựng và tôn trọng về hành vi cá nhân và tương tác xã hội dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức, mối quan tâm về an toàn, chuẩn mực xã hội, xem xét hạnh phúc của bản thân và người khác

Năng lực vận dụng SEL vào dạy học là khả năng chủ thể phát hiện được vấn đề thực tiễn liên quan đến mô hình SEL, huy động được các kiến thức hoặc tìm tòi, khám phá các kiến thức về mô hình SEL, kỹ năng cảm xúc - xã hội nhằm triển khai hoạt động giáo dục, giáo dục đạt hiệu quả. Năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội vào giáo dục là quá trình giáo viên thực hiện giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác giáo dục của mình bằng cách biến kiến thức lý thuyết về giáo dục cảm xúc – xã hội đã sở hữu ở một mức độ nào đó để phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho trẻ qua các kế hoạch giáo dục với chuỗi hoạt động học cụ thể của người học (Huỳnh Văn Sơn, 2022) [15].

Mô hình phát triển năng lực cảm xúc – xã hội dựa trên thực chứng do CASEL (CASEL, 2003) [1] đề xuất như Hình 1.

Hình 1 mô tả cơ chế của mối quan hệ giữa các mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội dựa trên bằng chứng với thành tích trong học tập và cuộc sống của trẻ. Các mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội dựa trên bằng chứng có hai đặc điểm, mỗi đặc điểm đều ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến thành tích học tập tốt hơn và các kết quả tích cực khác. Bằng cách thiết lập môi trường học tập an toàn, yêu thương và được quản lý tốt, các chương trình giáo dục cảm xúc – xã hội dẫn đến sự gắn kết lớn hơn của trẻ với trường học, điều này dẫn đến ít hành vi lệch chuẩn và thành tích

học tập tốt hơn. Tương tự như vậy, việc giáo dục cho trẻ các năng lực cảm xúc- xã hội góp phần giảm các hành vi lệch chuẩn, hỗ trợ sự phát triển tích cực, làm cho trẻ gắn kết hơn với trường học cũng như thành công trong học tập.



Hình 1. Mô hình phát triển năng lực cảm xúc – xã hội dựa trên thực chứng (CASEL, 2003)

Như vậy, từ mô hình này cho thấy, việc phát triển năng lực cảm xúc – xã hội cần bắt đầu với giáo viên (bao hàm cả giáo viên tương lai) nhằm nâng cao năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội của họ cũng như năng lực hướng dẫn, giảng dạy để phát triển năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ.

2.2.1.2. Vai trò của giáo dục cảm xúc - xã hội

Đối với trẻ mầm non, giáo dục cảm xúc – xã hội có ý nghĩa quan trọng. Những năm đầu đời có vai trò rất quan trọng cho sự thành công ở trường học và cho cuộc đời của mỗi cá nhân. Chính ở giai đoạn này, bộ não phát triển vượt trội và đặc biệt linh hoạt. Hệ thần kinh được phát triển thông qua các kích thích bên ngoài, do đó, có tác động đến các kỹ năng và năng lực về cảm xúc - xã hội và trí tuệ của trẻ (Allen. L. R. & Kelly, 2015) [16]. Nền tảng của năng lực cảm xúc – xã hội được hình thành và phát triển trong những năm đầu đời sẽ tác động đến cảm nhận hạnh phúc trong tương lai và khả năng thích ứng với trường học cũng như hình thành các mối quan hệ thành công trong suốt cuộc đời (Durlak et al., 2011) [17]. Một thành phần chính trong quá trình phát triển này là sự tương tác và đáp lại giữa trẻ em với cha mẹ và những người chăm sóc khác (Center on the Developing Child, 2020) [18]. Thông qua sự tương tác với môi trường, bạn bè và người lớn, trẻ phát triển các kỹ năng xã hội hóa, ngôn ngữ nói, sự tự chủ và kiến thức về thể giới. Vì vậy, sự phát triển các kỹ năng cảm xúc - xã hội ngay từ lứa tuổi mầm non có ý nghĩa đặc biệt quan trọng (Allen. L. R. & Kelly, 2015) [16].

Mặt khác, giáo viên có vai trò thúc đẩy giáo dục cảm xúc – xã hội cho trẻ mầm non. Giáo viên đóng vai trò quan trọng nhất trong việc truyền đạt các giá trị của con người, là người hướng dẫn, tạo điều kiện trong quá trình học tập (Ghorbani et al., 2018) [19].

Giáo viên có thể thúc đẩy các năng lực cảm xúc - xã hội thông qua quá trình tương tác với trẻ trong quá trình giảng dạy. Tuy nhiên, điều đó phụ thuộc vào quyết tâm, sở thích và năng lực của mỗi giáo viên đối với giáo dục cảm xúc – xã hội. Tương tác giữa trẻ với giáo viên và bạn cùng lớp sẽ phát triển năng lực cảm xúc – xã hội cho trẻ, tạo ra bầu không khí lớp học tích cực (Elias et al., 1997) [20]. Bên cạnh đó, phát triển năng lực giáo dục cảm xúc - xã hội tại trường học có thể bảo vệ giáo viên khỏi tình trạng kiệt sức trong công việc (Martinsone, 2016) [21].

Một số nghiên cứu cho thấy môi trường lớp học ấm áp và mối quan hệ tích cực giữa giáo viên và trẻ thúc đẩy cả việc học tập trên lớp và năng lực cảm xúc - xã hội (Gest et al., 2005) [22]. Do đó, một mặt, giáo viên cần có các năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội, mặt khác, giáo viên cần có kiến thức, kỹ năng để tạo ra một môi trường lớp học an toàn và hỗ trợ. Nghiên cứu của nhóm tác giả Durlak cũng chỉ ra rằng những giáo viên hiểu được sự phát triển của trẻ em và thanh thiếu niên có khả năng thiết kế và thực hiện các trải nghiệm học tập theo cách hỗ trợ năng lực giáo dục cảm xúc - xã hội, năng lực học tập tốt hơn (Durlak et al., 2011) [17].

Thực tế ở Việt Nam, việc hình thành năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội cho sinh viên ngành giáo dục mầm non còn nhiều hạn chế như Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo chưa chú trọng rèn luyện năng lực này dẫn đến chuẩn cần đạt ở các học phần cũng chưa xác định năng lực cảm xúc - xã hội là năng lực cần thiết (Huyền Hoàng Thu, 2023) [23]. Việc sinh viên chưa hình thành được năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội sẽ gặp khó khăn trong việc vận dụng năng lực này trong hoạt động giảng dạy, giáo dục trong nghề nghiệp tương lai. Do đó, phát triển năng lực giáo dục cảm xúc - xã hội và năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội có ý nghĩa quan trọng. Phần tiếp theo của bài viết sẽ trình bày hướng dẫn tích hợp giáo dục cảm xúc – xã hội vào dạy học môn học nhằm phát triển năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội cho sinh viên sư phạm ngành giáo dục mầm non.

2.2.2. Phát triển năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc - xã hội cho sinh viên sư phạm ngành giáo dục mầm non

2.2.2.1. Hướng dẫn vận dụng năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL) vào hoạt động giảng dạy trong các môn học

Cách thức dạy giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL) ở trường phụ thuộc phần lớn vào giáo viên. Thực tiễn cho thấy, đa số giáo viên gặp khó khăn trong việc đưa giáo dục cảm xúc – xã hội vào chương trình giảng dạy môn học. Nghiên cứu của Ferreira và cộng sự đã đưa ra hướng dẫn phương pháp giảng dạy tích hợp SEL vào tất cả các môn học bằng cách tích hợp 5 năng lực cốt lõi SEL, đánh giá quá trình và hướng dẫn giảng dạy trên lớp thành một mô hình duy nhất (Ferreira et al., 2020) [7]. Tiền đề của mô hình này dựa trên quan điểm cho rằng việc đánh giá ở trường học không chỉ dừng lại ở việc chấm điểm kiến thức mà còn đánh giá thông qua quan sát sự phát triển thái độ, kỹ năng xã hội và các năng lực chung khác của học sinh.

Ưu điểm của mô hình này khi áp dụng tại Việt Nam đó là cung cấp các cách thức và thiết kế, tổ chức hoạt động một cách đơn giản, dễ hiểu để phát triển năng lực cảm xúc - xã hội của học sinh trong lớp học. Do vậy, sinh viên sư phạm có thể áp dụng tích hợp SEL vào hoạt động giảng dạy theo bảng minh họa dưới đây (Bảng 1). Tùy theo từng độ tuổi trẻ, cấp học các hoạt động sẽ được thiết kế, lựa chọn nội dung tích hợp cho phù hợp. Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này khi áp dụng tại Việt Nam đó là khó khăn trong tổ chức hiệu quả các hoạt động do số lượng trẻ trong lớp học đông (30-40 trẻ), mà số giáo viên trong lớp ít (khoảng 2-3 giáo viên/lớp). Mặt khác, một số cơ sở giáo dục thiếu cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động này.

Bảng 1. Minh họa tích hợp SEL vào các hoạt động trong lớp học (Ferreira et al., 2020)

1. Hình thành năng lực tự nhận thức và tự chủ thông qua hoạt động “Tôi là ai”	
Mục tiêu 1, 2	Hình thành năng lực tự nhận thức và tự chủ
Hoạt động chính	Tôi là ai?
Hoạt động cụ thể	1. Quan sát và tự đánh giá các kỹ năng cảm xúc - xã hội của bản thân. 2. Tạo hồ sơ của bản thân. Làm việc theo cặp để theo dõi sự phát triển của mỗi người. 3. Phản hồi tích cực và cụ thể. 4. Phỏng vấn bạn cùng lớp của tôi nhìn nhận tôi như thế nào? 5. Điền vào Phiếu tự đánh giá

Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ, chia sẻ và hiểu được ý định học tập và tiêu chí để thành công. - Thiết kế các hoạt động, thảo luận và nhiệm vụ học tập hiệu quả trong lớp học. - Cung cấp phản hồi thúc đẩy việc học tập. - Khuyến khích học sinh hướng dẫn lẫn nhau. - Khuyến khích học sinh tự học.
2. Hình thành năng lực nhận thức xã hội thông qua hoạt động “Tôi nhìn nhận người khác như thế nào?”	
Mục tiêu 3	Hình thành năng lực nhận thức xã hội
Hoạt động chính	Tôi nhìn nhận người khác như thế nào?
Hoạt động cụ thể	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quan sát cảm xúc và quan điểm của người khác. Làm thế nào tôi có thể thể hiện lòng tốt với người khác? Đồng cảm là gì? 2. Viết nhật kí: Kỹ năng xã hội của tôi thế nào? 3. Lấy phản hồi từ giáo viên hoặc bạn thân. 4. Xây dựng poster về các kỹ năng đã học, trình bày cho các bạn cùng lớp nghe. 5. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bạn cùng lớp: 02 nhiệm vụ công việc đã hoàn thành xuất sắc; một nhiệm vụ cần cải thiện.
Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ, chia sẻ và hiểu được ý định học tập và tiêu chí để thành công. - Thiết kế các hoạt động, thảo luận và nhiệm vụ học tập hiệu quả trong lớp học. - Cung cấp phản hồi thúc đẩy việc học tập. - Khuyến khích học sinh hướng dẫn lẫn nhau. - Khuyến khích học sinh tự học.
3. Phát triển kỹ năng quan hệ thông qua hoạt động “Tôi với những người khác thế nào?”	
Mục tiêu 4	Phát triển kỹ năng quan hệ
Hoạt động chính	Tôi với những người khác thế nào?
Hoạt động cụ thể	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bài viết tổng hợp các hình ảnh từ tạp chí, Internet, đại diện cho tình bạn, các mối quan hệ lành mạnh và giao tiếp hiệu quả. 2. Kim tự tháp 3-2-1: <ul style="list-style-type: none"> - 3 điều học sinh đã học được về các kỹ năng quan hệ của mình - 2 điều học sinh tự hào liên quan đến các kỹ năng quan hệ - 1 kỹ năng học sinh nên phát triển. 3. Viết nhật ký (phản hồi từ giáo viên). 4. Kiểm kê kỹ năng quan hệ (các bạn cùng lớp cung cấp phản hồi). 5. Một bạn cùng lớp kể điều gì đó về các kỹ năng quan hệ của họ để đưa ra gợi ý về sự tham gia cao hơn.
Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ, chia sẻ và hiểu được ý định học tập và tiêu chí để thành công. - Thiết kế các hoạt động, thảo luận và nhiệm vụ học tập hiệu quả trong lớp học. - Cung cấp phản hồi thúc đẩy việc học tập. - Khuyến khích học sinh hướng dẫn lẫn nhau. - Khuyến khích học sinh tự học.

4. Phát triển năng lực ra quyết định có trách nhiệm thông qua hoạt động “Lựa chọn tốt, lựa chọn xấu?”	
Mục tiêu 5	Phát triển năng lực ra quyết định có trách nhiệm
Hoạt động chính	Lựa chọn tốt, lựa chọn xấu
Hoạt động cụ thể	<ol style="list-style-type: none"> Đặt câu hỏi: Có trách nhiệm có nghĩa là gì? Làm thế nào để liên kết trách nhiệm với việc ra quyết định? Tiếp tục tìm hiểu: học sinh xác định các lựa chọn/quyết định mà mình đưa ra hàng ngày. Liệt kê các giải pháp khả thi. Rút ra kết luận. Sử dụng phản hồi với quan điểm thay thế và thách thức học sinh suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ khi giải quyết vấn đề. Suy nghĩ - ghép đôi - chia sẻ: Yêu cầu học sinh thảo luận ý tưởng của mình với các bạn cùng lớp để tìm ra giải pháp tốt nhất, thống nhất về các tình huống rủi ro, sau đó chia sẻ những điều này khi thảo luận trên lớp. Theo dõi và đánh giá: Cho phép học sinh đánh giá giá trị của các lựa chọn/ quyết định của mình. Hậu quả là gì? Phát triển các tiêu chí để đánh giá giá trị của các quyết định của chính mình và của người khác.
Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ, chia sẻ và hiểu được ý định học tập và tiêu chí để thành công. - Thiết kế các hoạt động, thảo luận và nhiệm vụ học tập hiệu quả trong lớp học. - Cung cấp phản hồi thúc đẩy việc học tập. - Khuyến khích học sinh hướng dẫn lẫn nhau. - Khuyến khích học sinh tự học.

2.2.2.2. Ví dụ minh họa tích hợp SEL trong giảng dạy học phần Giáo dục học mầm non

Học phần Giáo dục học mầm non thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, có thời lượng học 45 tiết. Mục tiêu của học phần là cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản chung về giáo dục mầm non và tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục học sinh mầm non; có khả năng áp dụng các kiến thức vào hoạt động chăm sóc – giáo dục học sinh mầm non cũng như bồi dưỡng và phát triển nhân cách người giáo viên mầm non.

Để phát triển năng lực giáo dục cảm xúc – xã hội cho sinh viên sư phạm, giảng viên sẽ áp dụng mô hình tích hợp SEL vào các hoạt động giảng dạy trong lớp học do Ferreira và cộng sự đề xuất (Ferreira et al., 2020) [7]. Việc sinh viên có được 5 năng lực cốt lõi của giáo dục cảm xúc – xã hội là nền tảng giúp sinh viên hình thành năng lực vận dụng giáo dục cảm xúc – xã hội cho các hoạt động giáo dục trong tương lai.

Ví dụ minh họa một bài học trong học phần Giáo dục học mầm non có tích hợp SEL trong hoạt động giảng dạy, nhằm hình thành và phát triển năng lực ra quyết định có trách nhiệm thông qua hoạt động “Lựa chọn tốt, lựa chọn xấu?”

Bảng 2. Minh họa một bài học tích hợp SEL trong học phần Giáo dục học mầm non

Tên bài học	Chương 1, bài 3: Các nguyên tắc giáo dục mầm non
Mục tiêu của bài học	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các nguyên tắc giáo dục mầm non. - Áp dụng các nguyên tắc giáo dục mầm non để giải quyết các tình huống trong chăm sóc – giáo dục học sinh mầm non. - Đánh giá được việc thực hiện các nguyên tắc giáo dục mầm non trong thực tiễn Nhà trường mầm non hiện nay.

Mục tiêu năng lực SEL	Phát triển năng lực ra quyết định có trách nhiệm
<p>Nhiệm vụ học tập 1: Thảo luận nhóm</p>	<p>Cho tình huống: Trong giờ chơi tự do, bạn Nam đánh bạn Thắng vì Thắng tranh giành đồ chơi của Nam.</p> <p>Yêu cầu thảo luận: Vận dụng các nguyên tắc giáo dục mầm non, trình bày cách thức giải quyết tình huống này của giáo viên.</p>
<p>Hoạt động chính tích hợp SEL</p>	<p>Lựa chọn tốt, lựa chọn xấu</p>
<p>Hoạt động cụ thể tích hợp SEL</p>	<p>Giáo viên đặt câu hỏi hoặc giao các nhiệm vụ học tập tích hợp SEL như sau:</p> <p>1. Có trách nhiệm trong thực hiện các nguyên tắc giáo dục trong tình huống này biểu hiện như thế nào? Làm thế nào để liên kết trách nhiệm với việc ra quyết định trong tình huống giáo dục này.</p> <p>Ví dụ: Đảm bảo thực thi các nguyên tắc giáo dục mầm non</p> <p>2. Xác định các lựa chọn giải quyết mà mình đưa ra trong tình huống này. Liệt kê và phân tích các cách giải quyết khả thi. Rút ra kết luận sự phạm trong tình huống trên.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Cách 1: Giáo viên tìm hiểu nguyên do học sinh tranh giành nhau, khuyến bảo học sinh phải biết nhường nhịn, chia sẻ với nhau, giáo viên ngồi cạnh và chơi cùng học sinh .</p> <p>Cách 2: Giáo viên lại gần học sinh và chơi chung với học sinh và hướng dẫn học sinh một trò chơi đơn giản khác, khi học sinh vui vẻ trở lại thì học sinh sẽ tự chơi với nhau.</p> <p>3. Giảng viên phản hồi với quan điểm khác và thách thức sinh viên suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ các biện pháp mà sinh viên đã liệt kê.</p> <p>Ví dụ: Giáo viên đưa ra cách giải quyết khác và thách thức suy nghĩ của sinh viên: Cô gặp riêng hai học sinh , hỏi rõ nguyên nhân, chỉ ra lỗi sai của từng học sinh . Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận ra hành vi sai của mình và xin lỗi, chịu trách nhiệm về hành vi mà học sinh đã thực hiện.</p> <p>4. Suy nghĩ - ghép đôi - chia sẻ: Các nhóm thảo luận các biện pháp giải quyết tình huống trên, thống nhất các rủi ro, sau đó trình bày kết quả đã thống nhất cuối cùng.</p> <p>5. Theo dõi và đánh giá: Nhóm sinh viên đánh giá hiệu quả các cách giải quyết đã đưa ra. Xây dựng tiêu chí để đánh giá hiệu quả các cách giải quyết của nhóm mình và nhóm khác.</p>
<p>Đánh giá quá trình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các nguyên tắc giáo dục mầm non đã được vận dụng trong giải quyết tình huống trên. - Đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm có tích hợp SEL. - Cung cấp phản hồi liên quan đến mỗi cách xử lí: phản hồi hướng dẫn với biện pháp giải quyết tình huống phù hợp, phản hồi sửa lỗi với biện pháp giải quyết tình huống chưa phù hợp với nguyên tắc giáo dục. - Khuyến khích các nhóm chia sẻ các quan điểm, biện pháp giải quyết tình huống và biện hộ cho cách giải quyết đó.

3. Kết luận

Giáo dục cảm xúc – xã hội góp phần thực hiện giáo dục toàn diện học sinh em, trong đó giáo viên có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giáo dục năng lực này cho học sinh trong quá trình giáo dục. Ở Việt Nam, mặc dù chương trình giáo dục mầm non rất coi trọng sự phát triển lĩnh vực cảm xúc xã hội, nhưng việc triển khai giáo dục cảm xúc – xã hội còn tương đối mới mẻ, phần lớn phụ thuộc nhận thức và năng lực của giáo viên. Thực tiễn cho thấy, chưa có một chương trình đào tạo chính thức để nâng cao năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội cho giáo viên. Do đó, việc hình thành năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội cho sinh viên trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non thông qua tích hợp giáo dục cảm xúc – xã hội vào hoạt động giảng dạy môn học có ý nghĩa quan trọng. Cách tiếp cận này sẽ giúp đào tạo được thế hệ học sinh với những cá nhân mạnh mẽ, linh hoạt về mặt cảm xúc, có thể đối phó với những thách thức phức tạp thông qua hành vi hướng đến xã hội, khuyến khích sự phát triển con người.

Kết quả của nghiên cứu này là những chỉ dẫn để giảng viên vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc – xã hội tích hợp vào trong quá trình giảng dạy của mình, góp phần nâng cao năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cũng như năng lực vận dụng mô hình này trong quá trình nghề nghiệp tương lai cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] CASEL, (2003). *Safe and sound: An educational leader's guide to evidence-based social and emotional learning programs – Illinois edition*. Retrieved from. <https://casel.org/safe-and-sound-an-%0Aeducational-leaders-guide-to-evidence-based-social-and-emotional-learning-programs-illinois-%0Aedition/>
- [2] Ornstein AC, Levine DU, Gutek GL, & Vocke DE, (2017). *Foundations of education*. In *TA - TT* - (13 e; Stud). Cengage Learning. <https://doi.org/LK> - <https://worldcat.org/title/933927139>.
- [3] Zins JE, Bloodworth MR, Weissberg RP & Walberg HJ, (2007). The Scientific Base Linking Social and Emotional Learning to School Success. *Journal of Educational and Psychological Consultation*, 17(2–3), 191–210. <https://doi.org/10.1080/10474410701413145>
- [4] TT Tham, TTK Lien, NTN Mai, BT Lam, HQ Tinh & NH Linh, (2023). Cooperation between school and family in emotional-social education for kindergarteners. *HNUE Journal of Science*, 68(5A), 131-142.
- [5] Greenberg M, Weissberg R, O'Brien M, Zins J, Fredericks L, Resnik H, & Elias M, (2003). Enhancing School-Based Prevention and Youth Development Through Coordinated Social, Emotional, and Academic Learning. *The American Psychologist*, 58, 466–474. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.58.6-7.466>
- [6] Resnik HLP, (2009). *The Illinois Social and Emotional Learning (SEL) Standards: Leading the Way for School and Student Success*. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:28209884>
- [7] Ferreira M, Martinsone B, & Talic S, (2020). Promoting Sustainable Social Emotional Learning at School through Relationship-Centered Learning Environment, Teaching Methods and Formative Assessment. *Journal of Teacher Education for Sustainability*, 22, 2020. <https://doi.org/10.2478/jtes-2020-0003>
- [8] WHO, (2015). *World Health Statistics 2015*. <https://www.who.int/docs/default-source/gho-documents/world-health-statistic-reports/world-health-statistics-2015.pdf>
- [9] UNESCO, (2019). *Transforming Education Conference for Humanity (TECH)*. <https://mgiep.unesco.org/tech>

- [10] NC Khanh, (2005). Các kỹ năng xã hội ở học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Tâm lý học*, 6(75), 41-47.
- [11] NV Lược và TQ Lâm. (2017). Kỹ năng xã hội của thanh niên nông thôn. *Tạp chí Tâm lý học*, 10(223), 24-35.
- [12] LM Dung, LTL Phương và ĐNT Tâm (2019). Kỹ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục*, 9(1), 73-81.
- [13] TTT Anh, ĐTH Vân, NPCT Tường, ĐM Long (2019). Thực trạng năng lực cảm xúc - xã hội lứa tuổi vị thành viên. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 21, 39-43.
- [14] CASEL, (2019). *What Is the CASEL Framework?* <https://casel.org/fundamentals-of-sel/what-is-the-casel-framework/>
- [15] HV Sơn, (2022). Nhận thức về năng lực vận dụng mô hình giáo dục cảm xúc - xã hội (SEL) vào dạy học của sinh viên sư phạm Việt Nam. *Tạp Chí Khoa Học Giáo Dục Việt Nam*, 7(7), 8–14. <https://doi.org/https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210702>
- [16] Allen LR & Kelly BB, (2015). *Transforming the Workforce for Children Birth Through Age 8: A Unifying Foundation*. The National Academies Press.
- [17] Durlak JA, Weissberg RP, Dymnicki AB, Taylor RD, & Schellinger KB, (2011). The impact of enhancing students' social and emotional learning: a meta-analysis of school-based universal interventions. *Child Development*, 82(1), 405–432. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:5689540>
- [18] Center on the Developing Child, HU, (2020). *Brain Architecture*. <https://developingchild.harvard.edu/science/key-concepts/brain-architecture/>
- [19] Ghorbani S, Jafari S & Sharifian F, (2018). Learning to Be: Teachers' Competences and Practical Solutions: A Step Towards Sustainable Development. *Journal of Teacher Education for Sustainability*, 20, 20–45. <https://doi.org/10.2478/jtes-2018-0002>
- [20] Elias MJ, Zins JE, Weissberg TP, Frey K S, Greenberg MT, Haynes NM, & Shriver TP, (1997). *Promoting Social and Emotional Learning: Guidelines for Educators*. Association for Supervision and Curriculum Development.
- [21] Martinsone B, (2016). Social Emotional Learning: Implementation of Sustainability-Oriented Program in Latvia. *Journal of Teacher Education for Sustainability*, 18. <https://doi.org/10.1515/jtes-2016-0005>
- [22] Gest S, Welsh J, & Domitrovich C, (2005). Behavioral predictors of changes in social relatedness and liking school in elementary school. *Journal of School Psychology*, 43, 281–301. <https://doi.org/10.1016/j.jsp.2005.06.002>
- [23] HH Thu, (2023). Năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(3), 15–23.